TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày: 19/01/2024 *V/v: Xin ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hoa**; Ông **Nguyễn Văn Đức**.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q;

- *Đại diện Viện KSND huyện Q* tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Chu Thị H**, sinh năm 1994;

HKTT: TDP NS, thị trấn Q, huyện Q, TP. Hà Nội;

Hiện ở: Xóm Bãi, thôn Sơn Trung, xã Yên Sơn, huyện Q, TP Hà Nội

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989;

- *Người đại diện theo pháp luật của anh T:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966 (bố đẻ anh T);

Đều có HKTT và nơi ở: Xóm V, TDP NS, thị trấn Q, huyện Q, TP Hà Nội.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn T:*

Bà **Phan Hà My** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước thành phố Hà Nội, Chi nhánh số 9.

Chị H, bà My có mặt tại phiên tòa;

Anh T vắng mặt; Ông H có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ; Quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 18/10/2011. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu khoảng 3 tháng và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q. Cưới xong được khoảng 4 - 5 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu ngắn nên chưa hiểu biết về nhau nhiều. Sau khi về chung sống mới biết được thực chất người của anh T không như lúc tìm hiểu. Ban đầu anh T nói anh làm thợ mộc, thu nhập ổn định nhưng khi cưới về mới biết anh chỉ là người đi thu mua sắt vụn, thu nhập bấp bênh. Khi tìm hiểu anh T có biểu hiện teo chân, mắt sưng, có u bã đậu ở đầu phải đi cắt thuốc nam uống nhưng giấu tôi. Khi kết hôn bệnh tình anh T ngày thêm nặng. Đến tháng 6 năm 2021 anh T đau đầu, buồn nôn, mắt mờ dần nên phải đi cấp cứu tại Bệnh viện Việt Đức. Tại Trích sao bệnh án số 3310/21/KTH ngày 03/6/2021 của bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức đã chuẩn đoán anh T bị u não đa ổ, u hốc mắt phải. Sau quá trình điều trị, tình trạng bệnh của anh T là u màng não không điển hình, độ 2. Hiện nay anh T đã ổn định về sức khỏe nhưng di chứng do bệnh để lại là mắt bị lồi và mờ không nhìn thấy rõ; hai tai đều khó nghe; chân teo đi lại khó khăn; Mồm không nói được. Anh T hiện nay không lao động được; Anh cũng không tự chăm sóc bản thân được phải bố mẹ chăm sóc anh T và anh được Nhà Nước trợ cấp cho người khuyết tật mỗi tháng 1.320.000 đồng.

Về tình cảm: Mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi nấng hai con do tôi đảm nhiệm; anh T cũng không quan tâm gì đến tôi nên làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã. Tôi thấy anh T đi đồng nát thu nhập không được bao nhiêu trong khi gia đình phải chi tiêu nhiều nên bảo anh T ở nhà trông con tôi đi công ty nhưng anh T mãi sau này mới đồng ý. Anh T cũng thường xuyên rượu chè, ít quan tâm đến mẹ con tôi. Từ tháng 3 năm 2022, tôi với anh T đã ly thân và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 2 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/11/2017. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh T và ông bà nội. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu K còn anh T nuôi cháu S cho đến khi các cháu trưởng thành và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công sức chung: Chúng tôi không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T* bị khuyết tật, thuộc diện được hưởng trợ cấp bảo

trợ xã hội hàng tháng từ tháng 5 năm 2022 cho tới nay. Hiện anh T bị u não; không nghe, không nhìn, không nói được; chân tay yếu không lao động được. Vì vậy Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tống đạt các văn bản tố tụng cho người đại diện theo pháp luật của anh T là ông Nguyễn Văn H (bố đẻ anh T).

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2023 và ngày 21/12/2023, ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Năm 2011 vợ chồng tôi tổ chức cưới cho anh T, Chị H. Khi cưới anh T vẫn bình thường, sức khỏe tốt. Anh T và Chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Q. Cưới xong vợ chồng anh T sống chung với nhau luôn tại nhà tôi.

Cuộc sống hôn nhân của anh T Chị H vẫn hạnh phúc cho đến khoảng năm 2020 anh T bị u não, sau đó dần có biểu hiện mắt không nhìn thấy, tai không nghe được gì, chân tay hoạt động kém, vợ chồng tôi phải chăm lo mọi thứ cho anh T. Khoảng năm 2014 Chị H có ngoại tình bị người ta đánh ghen tại công ty, đập phá xe; gia đình tôi biết chuyện nhưng vẫn tha thứ cho. Sau đó Chị H vẫn chứng nào tật nấy lại tiếp tục ngoại tình với người đã có vợ. Đến ngày 27/01/2022 âm lịch, Chị H gọi vợ chồng tôi xuống và nói với vợ chồng tôi là con với anh T không H nên muốn chia tay. Chị H nói xong lấy quần áo bỏ đi luôn, để 2 con lại và cả anh T cho vợ chồng tôi nuôi dưỡng, chăm sóc. Do Chị H đã muốn đi nên tôi không can ngăn; chị đi đâu, làm gì thì tùy chị, tôi cũng không quan tâm. Từ khi Chị H bỏ đi đến nay con cái chị không hỏi han hay chu cấp gì. Vợ chồng tôi nuôi nấng, chăm sóc các cháu cho tới giờ.

Năm 2022 Chị H và mẹ đẻ của chị có đến gặp tôi để nói chuyện muốn xin ly hôn anh T nhưng tôi bảo tôi không liên quan gì đến hôn nhân của anh chị. Chị H thích làm gì thì làm chứ tôi nhất quyết không lên Tòa và không ký tá bất kì giấy tờ nào cả. Đến nay tôi vẫn giữ nguyên quan điểm trên. Đề nghị Tòa đừng đến nhà tôi nữa. Nếu Tòa xử ly hôn thì xử vắng mặt con tôi là anh Nguyễn Văn T. Tôi xét thấy Chị H đã cố tình ly hôn nên vợ chồng khó có thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh T và Chị H có 2 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/11/2017.

Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh T và vợ chồng tôi. Nếu trường hợp Chị H cố tình xin ly hôn anh T thì gia đình tôi có nguyện vọng giao cả 2 cháu và anh T cho vợ chồng tôi nuôi còn Chị H phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về việc lấy lời khai của hai cháu thì tôi đề nghị Tòa không lấy lời khai vì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Toàn bộ nhà đất do vợ chồng tôi làm ra, Chị H và anh T không đóng góp được gì.

* *Tại phiên tòa,* nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và được quyền nuôi cháu K, còn anh T nuôi cháu S không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào. Nếu Tòa giao cả hai cháu chị cũng không nuôi được vì hiện tại lương chị chỉ được khoảng 7 - 8 triệu đồng/tháng. Khi nào công ty có nhiều việc tăng ca chị mới được 9 - 10 triệu đồng/tháng; chị chưa có nhà đất đang phải ở nhờ bố mẹ đẻ nên chị không muốn nuôi hai con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm:*

Thứ nhất, về tình cảm vợ chồng: Anh T và Chị H đăng kí kết hôn hợp pháp với nhau trên cơ sở tự nguyện vào tháng 10/2011 tại UBND thị trấn Q. Vợ chồng anh T Chị H sống với nhau vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2020 thì anh T bị bệnh u não, sau đó anh T có biểu hiện mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, chân tay hoạt động kém trở thành người khuyết tật đặc biệt nặng. Đến năm 2022 Chị H ly thân anh T cho đến nay.

Hiện tại Chị H có đơn xin ly hôn anh T. Căn cứ theo hồ sơ vụ án và lời khai của người liên quan, với tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được tôi kính đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận cho Chị H và anh T được ly hôn.

Thứ hai, về vấn đề nuôi con chung: Hai người có với nhau 2 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/11/2017. Mặc dù anh T là người khuyết tật nhưng Chị H bỏ đi thì 3 bố con anh T vẫn đang sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn H và bà Tạ Thị Phương. Ông bà vẫn hỗ trợ chăm sóc cho anh T và lo cho hai cháu đầy đủ từ kinh tế đến việc học hành. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống của hai cháu không bị xáo trộn đề nghị HĐXX xem xét để bị đơn anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con gia đình anh T cho rằng đó là trách nhiệm tình cảm của Chị H đối với các con, vì vậy tùy vào sự tự nguyện của chị.

Thứ ba, về tài sản chung: Anh T Chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

- **Về tố tụng**: Việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng

các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên không có mâu thuẫn. Nguyên nhân do khoảng năm 2020 anh T bị u não dẫn đến mắt không nhìn thấy, tai không nghe được, chân tay hoạt động kém, gia đình phải chăm nom mọi thứ cho anh T. Đến năm 2022 thì tự nhiên Chị H bảo với bố mẹ anh T là không ở được với anh T nên bỏ nhà đi bỏ mặc chồng con cho bố mẹ chồng chăm sóc. Còn Chị H cho rằng khi tìm hiểu anh T bị bệnh nhưng giấu chị do không tìm hiểu kĩ nên tưởng anh T làm thợ mộc, có thu nhập ổn định nhưng khi lấy nhau xong mới biết anh T chỉ đi thu lượm sắt vụn, thu nhập không bảo đảm cho gia đình nên cương quyết xin ly hôn.

Trong vụ án trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và Chị H không có mâu thuẫn. Do anh T bị bệnh nên Chị H tự ý bỏ nhà đi. Chị H cho rằng không tìm hiểu kĩ nên không biết anh T bị bệnh và nghề nghiệp lượm ve chai nên không bảo đảm cuộc sống gia đình nên chị cương quyết ly hôn thể hiện giữa Chị H và anh T không có mâu thuẫn vợ chồng. Song thấy hoàn cảnh anh T hiện nay bị bệnh và đi lượm ve chai nên không đảm bảo cuộc sống gia đình vì thế Chị H bỏ anh T và hai con cho bố mẹ cao tuổi chăm sóc. Chị H đã bỏ các cháu đi khỏi nhà từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Xét hoàn cảnh của anh T và theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì Chị H là người vợ, phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Thậm chí người vợ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chồng. Xét thấy Chị H không đưa được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn trầm trọng nên việc Chị H yêu cầu ly hôn là không có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Để đảm bảo quyền lợi của anh T và các con của Chị H anh T do đó không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H đối với anh T là có cơ sở.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị HĐXX:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Chu Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại TDP NS, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ năm 2020 anh T bị u não dẫn đến các triệu chứng, mắt, tai không nhìn không nghe thấy, chân tay bị teo lại không lao động được nên Chị H và anh T dần xa cách tình cảm. Đến tháng 3 năm 2022 do Chị H không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân như vậy với anh T nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Từ đó vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn liên lạc, hỏi han quan tâm nhau nữa. Nay Chị H đã làm đơn cương quyết xin ly hôn; Người đại diện của anh T xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng nếu Chị H cương quyết xin ly hôn thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy hôn nhân của Chị H và anh T đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị H ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[2.2] *Về con chung:*

Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/11/2017. Hiện nay cả hai cháu

đang sống cùng anh T và ông bà nội. Nếu ly hôn Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu K còn anh T nuôi cháu S và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Còn ông H là người đại diện hợp pháp cho anh T có nguyện vọng nếu trường hợp Chị H cố tình xin ly hôn anh T thì gia đình ông có nguyện vọng giao cả 2 cháu và anh T cho vợ chồng ông nuôi và Chị H có nghĩa vụ đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy anh T không thể nuôi con do là người khuyết tật nặng không tự chăm sóc được bản thân được; Anh T tuy có nhà đất nhưng hàng tháng chỉ được trợ cấp 1.320.000 đồng; Bố mẹ anh T đều đã cao tuổi; còn Chị H chưa có nhà đất nhưng hiện nay còn trẻ; Có hợp đồng dài hạn với công ty Vinh Quang mỗi tháng thu nhập ổn định từ 7 đến 10 triệu đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con"* nên giao cả hai cháu cho Chị H nuôi mới bảo đảm sự phát triển tốt nhất cho cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T hiện nay không lao động được, nguồn sống chính dựa vào trợ cấp xã hội nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[2.3] *Về tài sản chung, công nợ chung:*

Chị H và anh T không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] *Về án phí:*

Chị Chu Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 03/3/2023 về việc *"Xin ly hôn"* của chị Chu Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân:

Xử: Chị **Chu Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung:

Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/12/2011 và cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 28/11/2017.

Xử: Giao Chị H quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không có khả năng lao động, không tự chăm sóc được bản thân chỉ sống bằng ngồn trợ cấp nên không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công sức chung:

Chị H và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Chị H và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000762 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Thanh